

## BÁO CÁO

### Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan

Thực hiện Văn bản số 5261/UBND-CNN&XD ngày 14/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Quyết định của UBND tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì, soạn thảo dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quyết định này Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan. Đồng thời, xin kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương, đăng tải hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động.

Ngày 01/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Công văn số 6066/SNNMT-KHTC về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 330/BC-STP ngày 10/6/2026; Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định cụ thể tại bảng tiếp thu, giải trình kèm theo.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan./.

#### Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- PGĐ Sở (Ô. Văn);
- Trung tâm KN&MT (đăng trang TTĐT);
- Lưu: VT, KHTC, Khánglv.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Triệu Đức Văn**

**BẢNG TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*Kèm theo Báo cáo số 499 /BC-SNNMT ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

TT	Nội dung ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	<p><b>I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN; ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH</b></p> <p><b>1. Sự cần thiết ban hành văn bản</b></p> <p>Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan được hình thành từ nguồn vốn ODA do Chính phủ Phần Lan tài trợ cho Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan. Sau khi chương trình kết thúc, nguồn vốn còn lại được chuyển giao cho địa phương quản lý, sử dụng theo cơ chế tín dụng quay vòng nhằm hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, góp phần thực hiện công tác giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.</p> <p>Trước đây, việc quản lý và sử dụng Quỹ được thực hiện theo Quyết định số 1949/2003/QĐ-UB ngày 17/9/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan; Quyết định số 463/2011/QĐ-UBND ngày 28/3/2011 và Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1949/2003/QĐ-UB. Tuy nhiên, hiện nay, các quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý tài chính, tổ chức chính quyền địa phương đã có nhiều thay đổi; đồng thời việc sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy và chuyển giao nhiệm vụ quản lý nguồn vốn tại địa phương cũng đặt ra yêu cầu rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý đối với Quỹ để phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>Do đó, cần thiết phải ban hành Quy chế mới nhằm xác định rõ nguyên tắc quản lý, cơ chế sử dụng vốn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn được giao.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định</p>

2	<p><b>2. Tên gọi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b></p> <p><b>2.1. Tên gọi của văn bản</b></p> <p>Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, cơ quan thẩm định thống nhất tên gọi của văn bản với dự thảo quyết định.</p> <p><b>2.2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b></p> <p>Phù hợp.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định.
3	<p><b>II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ THẢO VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ THẢO VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG</b></p> <p>Việc hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tại khu vực miền núi có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, đồng thời khai thác và phát huy bền vững tiềm năng kinh tế của địa phương.</p> <p>Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: “<i>Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân</i>”; đồng thời yêu cầu “<i>Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn</i>”.</p> <p>Để cụ thể hóa các chủ trương, định hướng nêu trên, việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan nhằm tạo cơ sở cho công tác quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn tín dụng quay vòng, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp; qua đó góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân khu vực nông thôn, miền núi, do đó bảo đảm sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định

	<p><b>III. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b></p> <p><b>1. Thẩm quyền ban hành</b></p> <p>- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.</p> <p>- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài quy định, nội dung quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi bao gồm: "<i>a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi</i>".</p> <p>4 Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 96 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:</p> <p><i>"1. ...; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh, thành phố.</i></p> <p>...</p> <p><i>6. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi trên địa bàn theo quy định của pháp luật".</i></p> <p>Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan là phù hợp về thẩm quyền.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định</p>
5	<p><b>3. Nội dung dự thảo</b></p> <p><b>3.1. Quy định bộ máy quản lý Quỹ (khoản 2 Điều 5 dự thảo)</b></p> <p>Theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nguồn Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan hiện được giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Chợ Đồn và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Chợ Rã quản lý.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 2, Điều 5 cụ thể</p> <p><i>"2. Bộ máy quản lý Quỹ</i></p> <p><i>a) Đối với xã Chợ Đồn:</i></p> <p><i>Tổ chức bộ máy quản lý quỹ gồm Ban quản lý Quỹ, các bộ phận của Quỹ tại xã Chợ</i></p>

	<p>Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định đối tượng áp dụng bao gồm các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các xã Chợ Đồn, Quảng Bạch, Nam Cường, Đồng Phúc, Chợ Rã.</p> <p>Tuy nhiên, khoản 2 Điều 5 dự thảo chỉ quy định việc thành lập tổ chức bộ máy quản lý Quỹ đối với các xã Quảng Bạch, Nam Cường, Đồng Phúc, chưa quy định đối với xã Chợ Đồn và xã Chợ Rã (là các địa phương đang trực tiếp được giao quản lý nguồn Quỹ). Do đó, chưa đảm bảo tính thống nhất với phạm vi đối tượng áp dụng tại Điều 2 dự thảo, chưa phù hợp với tình hình giao quản lý nguồn Quỹ trên thực tế. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh khoản 2 Điều 5 theo hướng quy định thống nhất thẩm quyền thành lập bộ máy quản lý Quỹ đối với các xã Chợ Đồn, Quảng Bạch, Nam Cường, Chợ Rã và Đồng Phúc; đồng thời làm rõ phạm vi trách nhiệm quản lý nguồn vốn của từng địa phương để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.</p>	<p><i>Đồn; Tại các xã Quảng Bạch, Nam Cường thành lập Ban tín dụng để quản lý nguồn vốn của Quỹ trong các hộ dân thuộc địa bàn, phối hợp quản lý, soát, xét nhu cầu vay vốn của các hộ dân (Tổ, nhóm vay vốn tổng hợp gửi về Ban Quản lý Quỹ xã Chợ Đồn theo quy chế).</i></p> <p><i>b) Đối với xã Chợ Rã:</i></p> <p><i>Tổ chức bộ máy quản lý quỹ gồm Ban quản lý Quỹ, các bộ phận của Quỹ tại xã Chợ Rã; Tại xã Đồng Phúc thành lập Ban tín dụng để quản lý nguồn vốn của Quỹ trong các hộ dân thuộc địa bàn, phối hợp quản lý, soát, xét nhu cầu vay vốn của các hộ dân (Tổ, nhóm vay vốn tổng hợp gửi về Ban Quản lý Quỹ xã Chợ Rã theo quy chế)."</i></p>
6	<p><b>3.2. Mục đích sử dụng vốn vay từ Quỹ (Điều 6 dự thảo)</b></p> <p>(1) Theo Điều 2 Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan ban hành kèm theo Quyết định số 1949/2003/QĐ-UB, mục đích của Quỹ nhằm cung cấp nguồn tài chính ưu đãi để người dân đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp; tạo thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp; quản lý, sử dụng và duy trì đất lâm nghiệp đã được giao; đồng thời thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tăng thu nhập và góp phần xóa đói giảm nghèo.</p> <p>Trong khi đó, Điều 6 dự thảo chỉ quy định Quỹ cung cấp tài chính ưu đãi cho các hộ gia đình, cá nhân để sản xuất, kinh doanh, chế biến, mua bán hàng nông, lâm sản do nông dân sản xuất. Như vậy, có thể hiểu rằng các hoạt động như trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng, đầu tư giống cây trồng, vật nuôi, phát triển chăn nuôi,</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:</p> <p><b>Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay từ Quỹ</b></p> <p>Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan nhằm cung cấp nguồn tài chính ưu đãi để người dân đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp; tạo thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp; quản lý, sử dụng và duy trì đất lâm nghiệp đã được giao; đồng thời thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tăng thu nhập và góp</p>

	<p>dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc các mô hình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhằm nâng cao thu nhập của hộ gia đình không thuộc đối tượng được vay vốn từ Quỹ. So với mục tiêu, phạm vi sử dụng vốn đã được xác định tại Quyết định số 1949/2003/QĐ-UB, quy định tại dự thảo có phạm vi hẹp hơn và chưa bao quát đầy đủ các hoạt động sản xuất, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở của việc thu hẹp phạm vi mục đích sử dụng vốn so với quy định hiện hành; trường hợp không có sự thay đổi về mục đích sử dụng Quỹ thì nghiên cứu bổ sung Điều 6 theo hướng quy định đầy đủ, bao quát các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, bảo đảm phù hợp với mục tiêu hình thành Quỹ và phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn.</p>	phần xóa đối giảm nghèo.
7	<p>(2) Ngoài ra, dự thảo quy định Quỹ hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân để “sản xuất, kinh doanh, chế biến, mua bán hàng nông, lâm sản do nông dân sản xuất”. Tuy nhiên, hoạt động mua bán hàng hóa là một nội dung thuộc phạm vi hoạt động kinh doanh hàng hóa. Do đó, việc đồng thời sử dụng cụm từ “kinh doanh” và “mua bán” gây trùng lặp về nội dung. Để đảm bảo quy định về ngôn ngữ trong văn bản QPPL, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu lược bỏ cụm từ “mua bán” tại Điều 6, Điều 7 dự thảo.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu lược bỏ cụm từ “mua bán”
8	<p><b>3.3. Về xác định đối tượng vay vốn từ Quỹ</b></p> <p>Theo quy định tại Điều 6 dự thảo, mục đích sử dụng vốn vay từ Quỹ là cung cấp nguồn tài chính ưu đãi cho các hộ gia đình, cá nhân nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo hoặc hộ có mức sống trung bình. Quy định này có thể được hiểu là các nhóm đối tượng nêu trên là đối tượng thụ hưởng và được vay vốn từ Quỹ.</p> <p>Tuy nhiên, khoản 1 Điều 7 dự thảo lại quy định đối tượng được vay vốn là các hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến, mua bán hàng nông, lâm sản; trong đó hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ có mức sống trung bình là các đối tượng được ưu tiên.</p> <p>Như vậy, quy định giữa Điều 6 và Điều 7 chưa bảo đảm tính thống nhất trong việc xác định đối tượng được vay vốn từ Quỹ. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay từ Quỹ: Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan nhằm cung cấp nguồn tài chính ưu đãi để người dân đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp; tạo thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp; quản lý, sử dụng và duy trì đất lâm nghiệp đã được giao; đồng thời thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tăng thu nhập và góp</p>

	<p>chỉnh các quy định này theo hướng thống nhất về phạm vi đối tượng thụ hưởng của Quỹ, đồng thời làm rõ đây là các đối tượng được vay vốn hay chỉ là các đối tượng được ưu tiên khi xét duyệt cho vay nhằm tránh phát sinh cách hiểu và áp dụng khác nhau trong quá trình thực hiện.</p>	<p>phần xóa đối giảm nghèo.</p> <p>Do đó đối tượng được vay vốn là các hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến, mua bán hàng nông, lâm sản.</p> <p>Các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ có mức sống trung bình là các đối tượng được ưu tiên.</p>
9	<p><b>3.4. Điều kiện được vay vốn</b></p> <p>Điều 7 dự thảo quy định các điều kiện để được vay vốn, việc ưu tiên vay vốn áp dụng đối với hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo hoặc hộ có mức sống trung bình.</p> <p>Tuy nhiên, dự thảo chưa quy định nguyên tắc hoặc thứ tự ưu tiên xét duyệt cho vay trong trường hợp tổng nhu cầu vay vốn của các đối tượng đủ điều kiện vượt quá khả năng đáp ứng của Quỹ. Trong khi đó, nguồn vốn của Quỹ là hữu hạn và phạm vi đối tượng được vay tương đối rộng.</p> <p>Việc chưa quy định cơ chế ưu tiên hoặc tiêu chí lựa chọn đối tượng vay vốn có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các địa phương, làm phát sinh yếu tố chủ quan trong quá trình xét duyệt hồ sơ vay vốn, ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch và công bằng trong tiếp cận nguồn vốn của Quỹ. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:</p> <p>Đối tượng được vay vốn là các hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến, mua bán hàng nông, lâm sản. Trong đó thứ tự ưu tiên được vay vốn là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ có mức sống trung bình.</p>
10	<p><b>3.5. Điều kiện xử lý khoản vay vốn trong trường hợp rủi ro (Điều 9 dự thảo)</b></p> <p>Khoản 2 và khoản 3 Điều 9 dự thảo quy định về thẩm quyền, trách nhiệm và trình tự thực hiện việc gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ đối với các khoản vay từ Quỹ khi phát sinh rủi ro. Tuy nhiên, dự thảo mới chỉ quy định về trình tự, thủ tục lập hồ sơ, thẩm quyền xem xét, đề xuất và quyết định xử lý rủi ro mà chưa quy định cụ thể trường hợp nào được xem xét gia hạn nợ, trường hợp nào được khoan nợ hoặc đề nghị xóa nợ; nguyên nhân rủi ro được chấp nhận, phạm vi thiệt hại, mức độ ảnh hưởng, thời</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:</p> <p>Nội dung này đã quy định tại Điều 5 Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ và được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ</p>

	<p>gian áp dụng hoặc các điều kiện cần thiết khác để làm căn cứ áp dụng đối với từng hình thức xử lý khi xảy ra rủi ro.</p> <p>Việc không quy định rõ điều kiện và tiêu chí áp dụng có thể dẫn đến cách hiểu, vận dụng không thống nhất trong quá trình thực hiện, khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc đánh giá, quyết định xử lý rủi ro. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nhằm bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và khả thi của văn bản.</p>	<p>tướng Chính phủ. Tuy nhiên, Sở Nông nghiệp và Môi trường không trích dẫn lại quy định mà chỉ áp dụng đối với từng hình thức xử lý khi xảy ra rủi ro theo quy định về nguyên nhân khách quan của cấp có thẩm quyền ban hành.</p>
11	<p><b>3.6. Về việc sử dụng tiền lãi (Điều 10 dự thảo)</b></p> <p>(1) Khoản 2 Điều 4 dự thảo quy định nguồn vốn của Quỹ bao gồm cả khoản lãi từ tài khoản tiền gửi chưa sử dụng của Quỹ tại ngân hàng. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 10 dự thảo quy định tiền lãi thu được từ nguồn thu lãi (theo quy định tại khoản 1 Điều 10) dùng để lập quỹ tăng trưởng và rủi ro; chi cho các hoạt động của bộ máy tín dụng.</p> <p>Như vậy, giữa Điều 4 và Điều 10 của dự thảo chưa có sự thống nhất trong việc xác định phương thức quản lý đối với khoản lãi phát sinh từ tiền gửi ngân hàng của Quỹ (được sử dụng trực tiếp làm tăng nguồn vốn của Quỹ hay thực hiện phân phối theo cơ chế tài chính tại Điều 10). Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh để bảo đảm tính thống nhất của dự thảo.</p>	<p>Nguồn vốn của Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan quy định tại Điều 4 gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn vốn được giao tại Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao quản lý và sử dụng nguồn Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan.</li> <li>- Lãi từ tài khoản tiền gửi chưa sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan tại ngân hàng; quỹ tăng trưởng và rủi ro được bổ sung vào quỹ tín dụng.</li> </ul> <p>Do đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa khoản 3 Điều 10 như sau:</p> <p><i>“3. Phân bổ tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay quy định tại tiết a, khoản 1 Điều này như sau:”.</i></p>
12	<p>(2) Theo tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 dự thảo, toàn bộ nguồn thu từ lãi cho vay được phân bổ theo tỷ lệ 8% để lập quỹ tăng trưởng và rủi ro, 92% còn lại được sử dụng cho</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau: Kế thừa Quyết định số</p>

	<p>các hoạt động của bộ máy tín dụng từ xã đến thôn. Trong khi mục tiêu của Quỹ tín dụng quay vòng là duy trì và phát triển nguồn vốn để tiếp tục hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu vay vốn trong tương lai. Tuy nhiên, với cơ chế phân bổ hiện hành, phần lớn tiền lãi không được tái đầu tư vào Quỹ mà được sử dụng cho hoạt động của bộ máy, phần được giữ lại để bù đắp rủi ro và phát triển nguồn vốn chiếm tỷ lệ rất thấp. Điều này làm hạn chế khả năng tăng trưởng quy mô vốn cho vay theo thời gian. Do đó, cần cân nhắc đánh giá lại tỷ lệ phân bổ nguồn thu từ lãi vay theo hướng bảo đảm hài hòa giữa nhu cầu chi cho hoạt động quản lý với yêu cầu bảo toàn, phát triển nguồn vốn và nâng cao khả năng ứng phó với rủi ro của Quỹ trong dài hạn.</p>	<p>1949/2003/QĐ-UB ngày 17/9/2003 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ tín dụng Chương trình hợp tác lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan, với lý do: <i>Quy chế nội bộ của quỹ này đã được Ban cố vấn, chuyên gia của Chương trình Quỹ tín dụng hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan tham vấn, xây dựng quy chế định mức chi tiêu thu từ lãi của nguồn vốn.</i></p> <p>Hiện nay, theo Quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng mức trích dự phòng chung bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời điểm lập dự phòng. Mức quy định trên thấp hơn nhiều so với mức trích quỹ dự phòng rủi ro tại dự thảo quy chế.</p>
13	<p><b>4. Hiệu lực của văn bản</b></p> <p>Dự thảo dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.</p> <p>Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản QPPL: "<i>Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành</i>".</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa</p>

	<p>Nội dung quy định tại dự thảo thuộc danh mục đề xuất xử lý (theo hình thức ban hành mới) trong tháng 6/2026 theo Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tập trung cao điểm xử lý văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập).</p> <p>Do đó, việc dự kiến thời điểm có hiệu lực của văn bản từ ngày 01/7/2026 là có cơ sở. Đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu trình dự kiến thời gian có hiệu lực của văn bản phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản QPPL nêu trên.</p>	
14	<p><b>IV. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b></p> <p>Dự thảo không có nội dung quy định về thủ tục hành chính và các quy định của dự thảo không làm phát sinh thủ tục hành chính.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định
15	<p><b>V. NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC; VIỆC PHÂN CẤP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP; VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất với đánh giá của cơ quan soạn thảo tại dự thảo Tờ trình về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản.</li> <li>- Vấn đề phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp: không phát sinh trực tiếp từ các quy định của dự thảo.</li> <li>- Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: không phát sinh trực tiếp từ các quy định của dự thảo.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định
16	<p><b>VI. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN</b></p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, trình bày văn bản theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP:</p> <p>+ Sử dụng từ ngữ viết tắt theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Nghị định số</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa

	78/2025/NĐ-CP; + Viết hoa theo quy định.	
17	<p><b>Phần thứ hai</b></p> <p><b>KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH</b></p> <p><b>1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <p>- Về đăng ký xây dựng văn bản: được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Văn bản số 5261/UBND-CNN&amp;XD ngày 14/5/2026.</p> <p>- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản: đã thực hiện theo quy định (Văn bản số 5361/SNNMT-KHTC ngày 19/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).</p> <p>- Về đăng thông tin về nội dung dự thảo: Văn bản QPPL xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn không quy định phải đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường nhất trí với ý kiến thẩm định
18	<p><b>2. Về điều kiện trình dự thảo</b></p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:</p> <p>+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.</p> <p>+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.</p> <p>+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 59b Nghị định 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định; gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp.

<ul style="list-style-type: none"><li>- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp rà soát, nghiên cứu các nội dung thẩm định, giải trình khi cơ quan soạn thảo trình, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp của nội dung văn bản.</li><li>- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định.</li></ul>	
--	--